

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HS-PT
Ngày 17 tháng 4 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các thẩm phán: Ông Dương Văn Bản.
Bà Trần Thị Nhài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 19/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024 do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thành T, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B, Vũ Ngọc H, Nguyễn Tuấn A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2024/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Phạm Văn Q (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 09/02/1990.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C (Nay là Thôn B), xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông Phạm Văn N1 và bà Hoàng Thị P; có vợ Nguyễn Thu T1; có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị bắt tạm giam từ ngày 22/02/2023 đến ngày 28/4/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

2. Vũ Ngọc H (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 23 tháng 02 năm 1998.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Vũ Thanh L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; vợ con: Chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số 20/2019/HSST ngày 02/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 33 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong Bản án ngày 03/2/2021, chưa được xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến ngày 28/4/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. Nguyễn Thành T (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 27 tháng 12 năm 1990.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Văn T3 và bà Thân Thị H1; có vợ là Ngô Thị L1; có 03 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến ngày 28/4/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

4. Nguyễn Tuấn A (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 01 tháng 3 năm 1998.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn F, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Không có bố; con bà Nguyễn Thị L2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến ngày 28/4/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

5. Nguyễn Hoàng N (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 15 tháng 11 năm 2001.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 9, Ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C (nay là Thôn B), xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Lâm Thị L3; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến ngày 28/4/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

6. Nguyễn Hoài B (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 02 tháng 5 năm 1990.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Mạnh K và bà Quách Thị T4; có vợ là Nguyễn Thị L4 (đã ly hôn); có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến ngày 28/4/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

*** Ngoài ra còn 55 bị hại và 09 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (không kháng cáo, Tòa án không triệu tập).**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 12 năm 2022, Phạm Văn Q ngồi uống nước tại huyện T, Hải Phòng thì gặp Nguyễn Thành T, Vũ Ngọc H, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Hoàng N, trong lúc ngồi uống nước nói chuyện, Q nảy sinh ý định tổ chức tri ân khách hàng, giới thiệu sản phẩm để lừa dối chiếm đoạt tiền của người dân. Q rủ T, N, B, Tuấn A, H đi tìm địa điểm và phát giấy mời, tờ rơi quảng cáo mời người dân chủ yếu là phụ nữ và người cao tuổi đến địa điểm đã thuê để dự lễ trải nghiệm sản phẩm, tri ân khách hàng kèm theo lời quảng cáo: Khi đến dự buổi lễ người dân sẽ được nhận quà miễn phí như nước mắm, hạt nêm, nước rửa chén, người nào đến đúng giờ được tặng 04 lít dầu ăn và 50.000đ hỗ trợ xăng xe đi lại. Q là người dẫn chương trình để người dân đặt cọc tiền sản phẩm. Khi người dân đến đông đủ, sẽ đưa ra các sản phẩm có giá trị thấp như mì chính, bột canh, nước mắm, nước giặt, ai muốn sản phẩm nào thì đặt cọc một số tiền tương ứng: Nước mắm là 10.000đ, bột canh là 20.000đ để nhận sản phẩm đó và được hoàn lại số tiền đã đặt cọc. Khi những người tham gia đã tin tưởng với cách thức đặt cọc tiền để nhận sản phẩm và hoàn lại tiền, sau đó tiếp tục giới thiệu những sản phẩm có giá trị cao như: Chảo chống dính có giá 650.000đ; nồi áp suất, chảo điện đa năng, bếp hồng ngoại có giá 4.100.000đ. Người nào đặt cọc trước sẽ được nhận 01 phiếu tặng quà và sản phẩm tương đương mà mình có nhu cầu, người nào đặt bếp hồng ngoại, nồi áp suất sẽ được tặng chảo điện đa năng để sử dụng và quảng bá cho hãng mà không cần phải mua bán. Sau khi thu được tiền đặt cọc của người dân, sẽ cùng nhau lấy lý do ra ngoài mang thêm các sản phẩm khác vào tặng tiếp, rồi lên xe bỏ trốn để tránh bị phát hiện ra việc giới thiệu sản phẩm nhưng không hoàn lại tiền. Nghe Q nói vậy, T, H, B, Tuấn A và N đồng ý tham gia.

Đến ngày 09/01/2023, Q liên hệ với Công ty M3 (không rõ địa chỉ) để mua sản phẩm tổ chức chương trình tri ân khách hàng, quảng bá sản phẩm. Công ty M3 cử Nguyễn Thị H3 đến xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đặt vấn đề được tổ chức sự kiện tri ân khách hàng. Sau đó H3 gọi zalo thông báo lại cho Q đã liên hệ được xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Q nhắn tin vào nhóm zalo “*Anh em Hải Phòng*” gồm có: Nguyễn Thành T, Vũ Ngọc H, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, với nội dung “*Tập trung đi làm*”. Khi nhận được tin

nhấn trên, mọi người trong nhóm đều hiểu ý là đi lừa đảo người dân vì đã được bàn bạc với nhau từ trước. Q thuê xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander BKS 15K- 034.35 của Nguyễn Tất T5 và giao xe cho T bảo T cùng B, Tuấn A, N đến xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thuê địa điểm và phát giấy mời. Khoảng 10h ngày 09/01/2023, T lái xe ô tô 15K- 034.35 cùng B, Tuấn A, Nam đến xóm Đ, xã N, huyện Đ. Khi đến nơi, T gặp chị Đinh Thị H4 là chủ quán lẩu Hiền A1 đặt vấn đề thuê quán và chỉ nói là làm hội trường để tổ chức sự kiện tri ân khách hàng, quảng bá sản phẩm nên chị H4 không biết mục đích nhóm của T đi lừa đảo vì vậy chị H4 đồng ý cho thuê với giá là 2.000.000đ. Sau khi thuê được địa điểm T, B, Tuấn A, Nam đến các xóm trên địa bàn xã N, huyện Đ và các xóm giáp ranh thuộc huyện P, tỉnh Thái Nguyên, xã L, T giấy mời, nội dung: Mời người dân 7h ngày 10/01/2023 có mặt tại quán L16 ở xóm Đ, xã N, huyện Đ để dự lễ trải nghiệm sản phẩm. Sau khi phát xong giấy mời người dân đến để dự hội thảo, chương trình tri ân khách hàng và nhận quà miễn phí như: Nước mắm, hạt nêm, nước rửa chén, ai đến đúng giờ được tặng 04 lít dầu ăn và 50.000đ hỗ trợ xăng xe đi lại.

Khoảng 4h30 phút ngày 10/01/2023, Q, thuê xe ô tô tải BKS: 88H-019.53 của anh Nguyễn Văn H5 chở hàng gồm: Nước mắm, dầu ăn, bột canh, cháo, nồi áp suất, bếp hồng ngoại, chảo điện đa năng đến xã N, huyện Đ, Thái Nguyên, còn Q cùng H5, Thân Văn T6; Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn N2 cùng trú tại thôn D, xã A, huyện T, TP Hải Phòng đến quán lẩu Hiền A1. Tại đây, Q phân công T ở bên ngoài hội trường thu lại giấy mời không cho người dân quay video và không cho đàn ông vào khu vực đang tổ chức sự kiện; B, Tuấn A, N, H5, làm nhiệm vụ giữ trật tự trong hội trường, phát phiếu, thu tiền và giao sản phẩm cho người dân. Đ chỉnh âm ly, T6 và N2 sắp xếp trông xe cho người dân còn Q sẽ là người dẫn chương trình để lôi kéo người dân đặt cọc tiền.

Sau khi nhận được thông tin như trong nội dung giấy mời, khoảng 7h30 phút cùng ngày, có khoảng 200 người dân đến quán L16. Quỳnh bắt đầu dẫn chương trình giới thiệu các loại sản phẩm cho nhân dân đây là sản phẩm để tri ân, quảng bá cho công ty, không bán. Cụ thể như sau: Đầu tiên là sản phẩm nước rửa chén tặng hết cho người dân. Tiếp theo đến sản phẩm nước mắm giới thiệu có giá 10.000đ nếu có ai muốn sở hữu thì giơ tay và đưa tiền, sau đó được nhận sản phẩm và hoàn lại tiền. Tiếp theo là sản phẩm bột canh giới thiệu có giá 200.000đ với hình thức nhận tiền và đưa thẻ hoàn tiền tương tự như sản phẩm nước mắm. Sau đó Q tặng 01(một) nồi áp suất cho một người dân và không thu bất kỳ một khoản tiền nào, sau khi tặng xong Q giới thiệu công dụng của chiếc nồi áp suất vừa tặng và trực tiếp sử dụng 02(hai) chiếc nồi áp suất trong đó 01(một) nồi để nấu xôi và chân giò không cần đổ nước, 01(một) nồi nấu khoai không cần đổ nước. Trong khi chờ 02(hai) chiếc nồi nêu trên hoạt động Quỳnh giới thiệu sản phẩm nước giặt loại 3,6 lít/1 can cho 03(ba) người bất kỳ rồi lấy lý do là ít sản phẩm nên không thể tặng hết cho toàn bộ người dân nên nói với người dân là muốn sở hữu sản phẩm cần đặt số tiền 2.000.000đ, sau khi đặt tiền sẽ đưa cho người đặt tiền 01(một) thẻ để người đặt tiền nhận sản phẩm và nhận lại số tiền 2.000.000đ đã đặt cọc, sau đó Q hỏi mua lại sản phẩm nước giặt mà

vừa giới thiệu với những người đã nhận sản phẩm với giá 2.050.000đ, nếu không có người bán thì nâng giá lên 2.100.000đ và trả tiền cho người bán lại sản phẩm, sau đó Q nói: *“Với những người đã bán lại sản phẩm là không yêu quý sản phẩm, sẽ không thể quảng bá được sản phẩm cho công ty. Những người không bán lại sản phẩm là những người tin tưởng, yêu quý sản phẩm nên tặng cho những người này 02(hai) phần quà trong đó 01(một) phần quà là phần quà tinh thần là 01(một) chuyến du lịch S, Thanh Hóa 02 ngày 01 đêm có giá trị 2.000.000đ nhưng được quy ra thành tiền mặt và tặng thêm 01(một) phần quà là vật chất là 01 can dầu ăn 02 lít”*. Có khoảng 10 người dân bán lại sản phẩm và được trả số tiền 2.050.000đ. Tiếp theo Q giới thiệu sản phẩm chảo có giá 650.000đ, bếp hồng ngoại, chảo điện đa năng, nồi áp suất có giá tiền 4.100.000đ. Nếu chưa đủ tiền thì đặt cọc chảo là 50.000đ, bếp hồng ngoại 100.000đ, chảo điện đa năng 100.000đ, nồi áp suất 100.000đ, ai đặt sản phẩm nào sẽ được phát 01 thẻ tương ứng với sản phẩm đó. Sau đó Q hẹn người dân đầu giờ chiều quay lại để tiếp tục chương trình. Trong lúc ăn cơm trưa, Q nói với T, H5, Tuấn A, B, N, khi nào mọi người nghe *“Mang mắm muối mì chính ở xe vào”* thì ra xe ô tô để bỏ đi.

Đến khoảng 12h cùng ngày, cũng có khoảng 200 người dân tiếp tục đến tham gia chương trình. Quỳnh dẫn chương trình giới thiệu các sản phẩm chảo chống dính, nồi áp suất, bếp hồng ngoại, chảo điện đa năng, trong đó Q giới thiệu chảo chống dính có giá tiền 650.000đ, nồi áp suất có giá tiền 4.100.000đ, bếp hồng ngoại có giá tiền 4.100.000đ, chảo điện đa năng có giá tiền 4.100.000đ (khi đặt cọc tiền bếp hồng ngoại hoặc nồi áp suất sẽ được tặng chảo điện đa năng) khuyến mại tặng sản phẩm cho khách hàng, không phải mua bán. Khách hàng dùng sản phẩm để quảng bá cho hãng, sau khi Q giới thiệu người dân bắt đầu đưa tiền để được lấy sản phẩm, người dân tin tưởng sau khi đặt cọc sẽ nhận được sản phẩm và được hoàn lại tiền. Lợi dụng lúc người dân đang tranh nhau lấy sản phẩm là chảo điện đa năng (đây là sản phẩm được tặng) và các sản phẩm khác. Trong số này bao gồm các sản phẩm sẽ phát theo phiếu và số tiền những người dân đã đặt cọc và các sản phẩm nhóm Q mang vào hội trường nhưng còn thừa so với số lượng người dân đặt cọc. Q nói ám hiệu như đã thống nhất *“Mang mắm muối mì chính ở xe vào”* để cùng mọi người ra xe bỏ trốn. Sau khi nghe ám hiệu, B, N, Tuấn A, H5, T cầm tiền vừa chiếm đoạt của người dân và cùng nhau ra ngoài lên xe đi về Hải Phòng vì sợ người dân phát hiện ra việc giới thiệu sản phẩm nhưng không hoàn lại tiền.

Sau khi cả nhóm về đến thành phố Hải Phòng, Q kiểm tra thì thấy số tiền Q thu trực tiếp của người dân là 40 triệu; B đưa cho Q khoảng 30 triệu; H5 đưa cho Q khoảng 23 triệu; Tuấn A đưa cho Q khoảng 39 triệu; N đưa cho Q khoảng 37 triệu. Quỳnh kiểm tra tổng số tiền của cả nhóm đã lấy của người dân là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng). Sau đó Q đưa cho T khoảng 11 triệu đồng để T cho Bắc 1.000.000đ, H5 1.000.000đ, Tuấn A 2.580.000đ, Nam 2.380.000đ, T 2.300.000đ. Đối với Đ, N2, T6, do lần đầu đi làm nên không được chia tiền.

Đến ngày 12/01/2023, Q cùng với T, H5, Tuấn A, B, N, đến tỉnh Vĩnh Phúc để ăn tất niên với công ty. Quỳnh gặp N (Không rõ địa chỉ, N làm thủ kho chuyên xuất hàng), tại đây sau khi kiểm đếm số hàng còn lại Q thanh toán tiền hàng cho N là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) trong đó 70.000.000đ tiền hàng, 30.000.000đ là tiền chi phí cho công ty.

Sau khi phát hiện bị lừa đảo, 55 người bị hại đã viết đơn trình báo cơ quan công an giải quyết theo quy định.

Ngày 18/01/2023 các bị cáo T, N, B, Tuấn A, H5 bị bắt. Ngày 21/02/2023, Q đến công an huyện Đ đầu thú.

Quá trình giải quyết vụ án, về số tiền chiếm đoạt, 55 người bị hại khai bị chiếm đoạt tổng số tiền là 290.000.000đ, như sau: Chị Hoàng Thị C, số tiền là 4.750.000đ; Chị Tạ Thị L5, số tiền 8.850.000đ; Bà Trương Thị S, số tiền là 8.950.000đ; Chị Trần Thị T7, số tiền là 8.850.000đ; Bà Liễu Thị L6, số tiền là 4.750.000đ; Bà Tống Thị C1 số tiền là 8.200.000đ; Chị Nông Thị H6 số tiền là 8.850.000đ; Chị Triệu Thị N3 4.100.000đ; Chị Diệp Thị L7 số tiền là 4.750.000đ; Chị Phùng Thị Đ1, số tiền là 4.750.000đ; Bà Lý Thị S1, số tiền 8.850.000đ; Bà Tống Thị L8, số tiền là 4.750.000đ; Chị Diệp Thị N4 số tiền là 4.750.000đ; Chị Trần Thị T8, số tiền là 4.750.000đ; Chị Linh Thị Đ2, số tiền là 4.750.000đ; Bà Trần Thị S2, số tiền 4.100.000đ; Bà Lô Thị S3, số tiền 4.750.000đ; Bà Hoàng Thị L9, số tiền 4.750.000đ; Bà Diệp Thị T9, số tiền 4.750.000đ; Chị Đặng Thị Đ3; số tiền 4.100.000đ; Bà Vi Thị H7, số tiền là 4.750.000đ; Bà Trần Thị L10, số tiền là 4.750.000đ; Chị Trần Thị L11, số tiền là 4.750.000đ;Chị Tạ Thị G số tiền 8.200.000đ;Bà Tạ Thị B1, số tiền 8.200.000đ; Bà Lý Thị C2 số tiền là 4.750.000đ; Bà Liễu Thị H8, số tiền là 4.750.000đ; Bà Lục Thị D, số tiền là 4.750.000đ; Bà Hoàng Thị N5, số tiền 650.000đ; Bà Trịnh Thị B2, số tiền 650.000đ; Chị Đặng Thị H9, số tiền là 4.100.000đ; Bà Tạ Thị T10, số tiền là 4.750.000đ ; Bà Mạch Thị M, số tiền 8.850.000đ; Chị Hoàng Thị T11, số tiền 8.850.000đ; Bà Trần Thị T12, số tiền là 4.500.000đ; Chị Liễu Thị H10, số tiền là 4.100.000đ; Chị Bàn Thị H11, số tiền là 4.750.000đ; Chị Nguyễn Thị Kim A2, số tiền là 4.750.000đ; Bà Tô Thị T13, số tiền 8.200.000đ; Chị Từ Thị L12, số tiền là 4.750.000đ ; Bà Trần Thị K1, số tiền là 4.750.000đ; Bà Âu Thị M1,số tiền là 4.750.000đ; Bà Hoàng Thị T11, số tiền là 4.750.000đ; Bà Ân Thị L13, số tiền là 4.750.000đ; Chị Hoàng Thị X, số tiền 4.100.000đ; Bà Đặng Thị M2, số tiền 4.100.000đ; Chị Ngô Thị H12, số tiền là 4.750.000đ; Bà Liễu Thị N6,số tiền là 4.750.000đ; Bà Mạch Thị H13, số tiền 8.850.000đ; Bà Trần Thị L14, số tiền 4.100.000đ; Bà Tống Thị S4, số tiền là 4.750.000đ; Bà Đặng Thị T14, số tiền là 650.000đ; Chị Phạm Thị N7, số tiền là 8.000.000đ; Chị Ân Thị H14, số tiền là 1.300.000đ; Bà Trương Thị L15, số tiền 4.750.000đ.

Vật chứng của vụ án thu giữ gồm số tiền 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng) tiền Ngân hàng N8, do các bị cáo tự nguyện giao nộp; 47 Chảo; 06 Bếp hồng ngoại và 43 Nồi áp suất.

Tại Bản kết luận số 37 ngày 30/6/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận:

- 34 Chảo kích thước 32cm, trọng lượng 01kg, mặt ngoài chảo màu cam, lòng chảo màu đen: Trên chảo dán giấy có chữ: Công ty nhập khẩu: Công ty TNHH X1; Nhà phân phối: Công ty TNHH X2; Tên sản phẩm: CHẢO XẢO. Tại thời điểm định giá ngày 10/01/2023, trị giá **8.500.000đ**;

- 13 Chảo điện đa năng nhãn hiệu NAKASHI, công suất 1300W, điện áp 220V-50Hz, Size 34cm, xuất xứ: China. Tại thời điểm định giá ngày 10/01/2023, trị giá **7.800.000đ**;

- 06 Bếp hồng ngoại, nhãn hiệu NKMedia, mã sản phẩm MD-SV222, công suất 2000W, điện áp 220V/50Hz, xuất xứ: Trung Q. Tại thời điểm định giá ngày 10/01/2023, trị giá **5.280.000đ**;

- 43 Nồi áp suất nhãn hiệu NKMedia, MD-EPC6860, công suất 1000W, size 309x309x365mm, dung tích 6L. Tại thời điểm định giá ngày 10/01/2023, trị giá **33.970.000đ**.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt là 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng), các bị cáo đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q, Vũ Ngọc H, Nguyễn Thành T, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Tuấn A phạm tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

1. Về hình phạt chính:

1. 1 Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Phạm Văn Q **42** (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/02/2023 đến ngày 28/4/2023.

- N9 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến ngày 28/4/2023.

- Nguyễn Hoàng N **30** (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến ngày 28/4/2023.

- Nguyễn Hoài B **30** (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến ngày 28/4/2023.

- Nguyễn Tuấn A **30** (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến ngày 28/4/2023.

1. 2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Vũ Ngọc H **36** (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến ngày 28/4/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho 55 người bị hại tổng số tiền 290.000.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/01/2024, các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Thành T và Nguyễn Hoàng N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 22/01/2024, các bị cáo Phạm Văn Q, Vũ Ngọc H có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 02/04/2024, bị cáo Phạm Văn Q có đơn thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Ngọc H thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phạm Văn Q giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt. Bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoài B và Nguyễn Hoàng N giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Ngọc H, giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo H. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Văn Q, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HSST ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên theo hướng giảm một phần hình phạt đối với bị cáo Q; giữ nguyên mức hình phạt và cho 04 bị cáo T, Tuấn A, Nam, B được hưởng án treo.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo T, Tuấn A, N, B đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương. Các bị cáo Q, H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thành T, Vũ Ngọc H, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Tuấn A nộp trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thành T, Vũ Ngọc H, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B, Nguyễn Tuấn A đều khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người tham gia tố tụng khác, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút ngày 10/01/2023, tại quán L16 thuộc xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Phạm Văn Q, Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B và Vũ Ngọc H đã có hành vi lợi dụng việc tổ chức hội thảo tri ân khách hàng giới thiệu sản phẩm, hứa hẹn việc sau khi người dân đặt cọc mua sản phẩm sẽ hoàn lại tiền và tặng sản phẩm, tuy nhiên sau khi người dân đặt cọc, các bị cáo trên đã phát sản phẩm nhưng không hoàn lại tiền theo những gì đã thỏa thuận, rồi lên xe ô tô bỏ chạy.

Mặc dù các bị hại khai tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Tuy nhiên, quá trình điều tra và truy tố, xét xử sơ thẩm các bị cáo đều xác định cả nhóm đã chiếm đoạt tiền của người dân là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng). Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra được cách ly theo quy định pháp luật, quá trình Điều tra viên hỏi cung đều có Kiểm sát viên tham gia nhưng các lời khai đều phù hợp về số tiền đã chiếm đoạt được.

Hơn nữa, bị hại đều là phụ nữ và người cao tuổi, quá trình diễn biến của vụ án trong điều kiện thời gian cả ngày, đông người, lộn xộn tranh nhau lấy sản phẩm, tâm lý người bị hại là muốn lấy được nhiều sản phẩm. Các phiếu thu tiền đặt cọc không thu giữ được. Ngoài lời khai của bị hại thì không có chứng cứ vật chất, không có tài liệu gì khác chứng minh cho số tiền bị chiếm đoạt. Mặt khác, trong sổ sản phẩm thu giữ của những người bị hại giao nộp thì bao gồm các sản phẩm được tặng, các sản phẩm phát theo phiếu và số tiền người dân đã đặt cọc và các sản phẩm nhóm Q mang vào hội trường nhưng còn thừa so với số lượng người dân đặt cọc. Các bị cáo để lại toàn bộ số hàng thừa còn lại trong hội trường sau khi đã phát hết sản phẩm theo phiếu đặt cọc cho các bị hại sau bỏ đi nên không xác định được chính xác có bao nhiêu sản phẩm mà người dân đã đặt cọc và chưa đặt cọc. Do đó, chỉ có đủ căn cứ kết luận: Tổng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của người dân trong vụ án này là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Bản án số 02/2024/HS-ST ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử các bị cáo Phạm Văn Q, Vũ Ngọc H, Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B về tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của 6 bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì hám lợi, các bị cáo lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người dân và đưa ra những thông tin gian dối để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, vì mục đích vụ lợi.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Q là người khởi xướng, rủ rê thực hành tích cực, hưởng lợi nhiều nhất nên giữ vai trò chính, các bị cáo khác tiếp nhận ý chí của Q và cùng thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử căn cứ vào vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả. Do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là tự nguyện bồi thường, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thành T, Vũ Ngọc H, Nguyễn Hoài B có ông nội là người có công với Nhà nước, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo Tuấn A có bác ruột ông Nguyễn Đình C3 là liệt sỹ, bị cáo Q đầu thú, các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, do đó các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Q, N, B, T, Tuấn A phạm tội lần đầu nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vũ Ngọc H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Ngọc H: Năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 33 tháng tù, chưa được xóa án tích, không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 36 tháng tù là phù hợp, không nặng, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

- Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Q: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo mức án 42 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Mặc dù bị cáo giữ vai trò cao nhất trong vụ án nhưng xét thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, được những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đã tự nguyện nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, mặc dù không được coi là tình tiết giảm nhẹ mới nhưng điều này thể hiện thái độ chấp hành pháp luật

của bị cáo. Bị cáo Q có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, vợ thường xuyên ốm đau đi Bệnh viện. Đánh giá toàn diện vụ án thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để cho bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, động viên bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

- Đối với kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B: Các bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo Q, không phải chịu tình tiết tăng nặng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tích cực cùng các bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại mà các bị hại yêu cầu, trước phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện nhận thức đối với hành vi phạm tội và ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo. Xét thấy các bị cáo đều đã bị tạm giam mỗi bị cáo 3 tháng 10 ngày cũng đủ tác dụng răn đe, đối với các bị cáo. 04 bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, việc cho các bị cáo được hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của 04 bị cáo.

[4] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa đánh giá phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm:

- Kháng cáo của bị cáo Vũ Ngọc H không được chấp nhận nên bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B được chấp nhận nên các bị cáo Q, T, Tuấn A, Nam, B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

* Ghi nhận các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B mỗi bị cáo đã nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm, tại các biên lai thu tiền số 0003125, 0003126, 0003127, 0003128, 0003129 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Ngọc H. Giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Vũ Ngọc H tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 16/01/2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c (Đối với bị cáo Phạm Văn Q), điểm e (đối với các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B) khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn Q, Vũ Ngọc H, Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. 1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Phạm Văn Q **36** (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 22/02/2023 đến ngày 28/4/2023.

1. 2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Vũ Ngọc H **36** (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 18/01/2023 đến ngày 28/4/2023.

1.3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thành T **30** (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60** (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng N **30** (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60** (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A **30** (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60** (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Hoài B **30** (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60** (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoài B cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng nơi các bị cáo hiện đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Vũ Ngọc H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

- Các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Ghi nhận các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Thành T, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Hoàng N, Nguyễn Hoài B mỗi bị cáo đã nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm, tại các biên lai thu tiền số 0003125, 0003126, 0003127, 0003128, 0003129 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- TAND huyện Đồng Hỷ;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Các bị cáo, bị hại;
- Những người tham gia TT khác;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Toàn